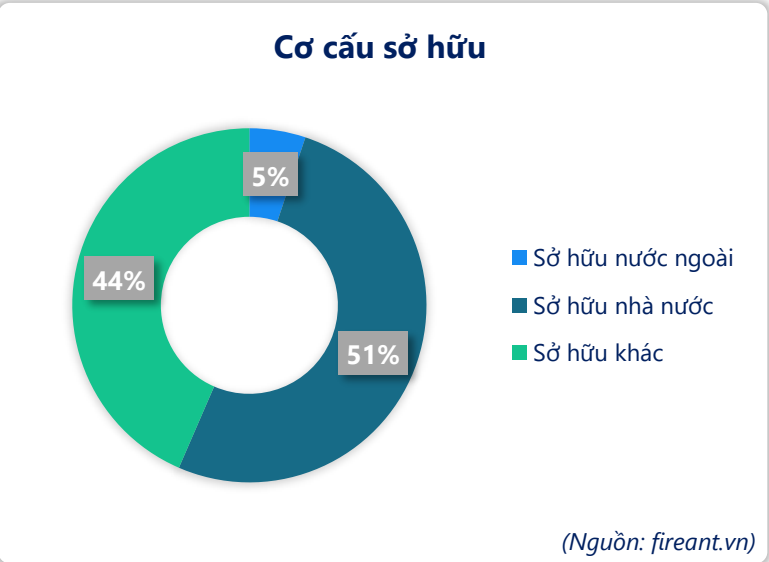
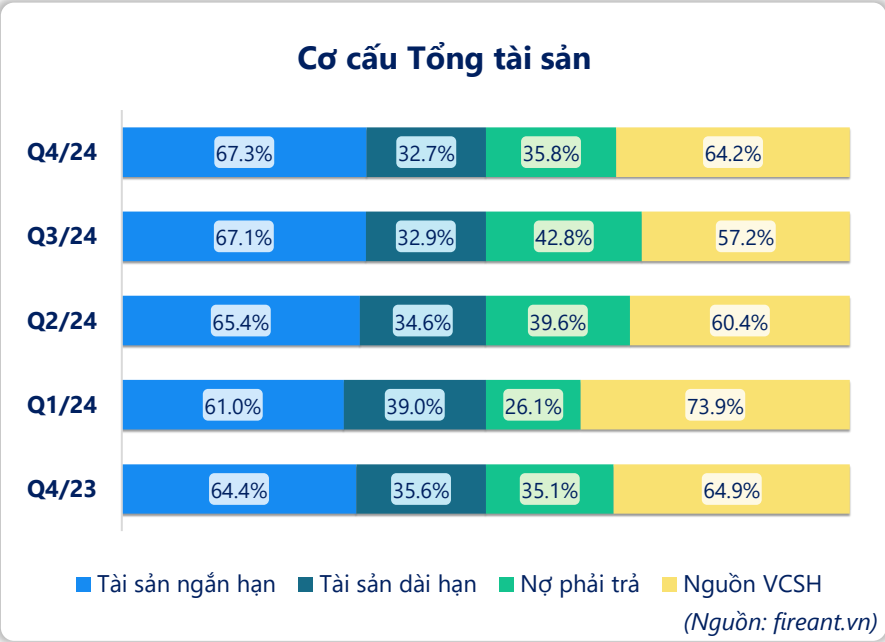
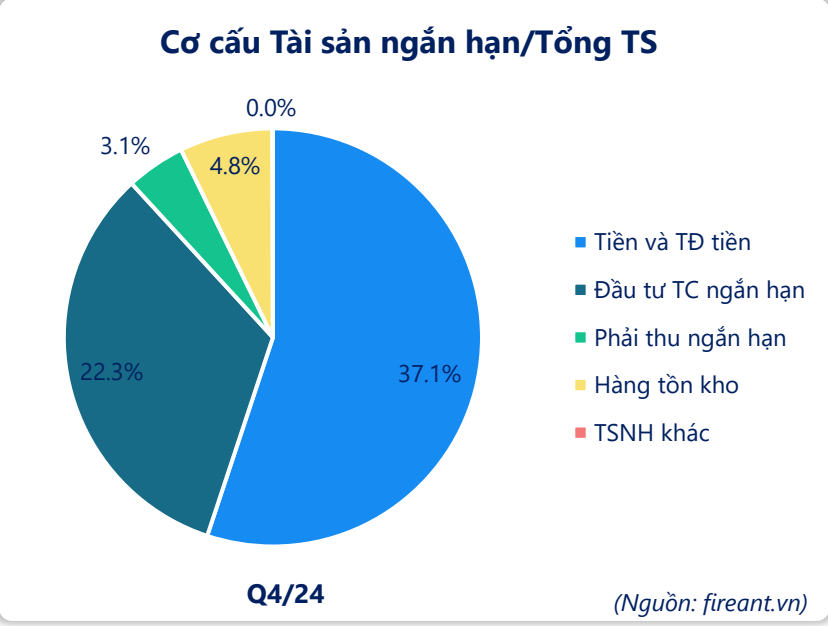
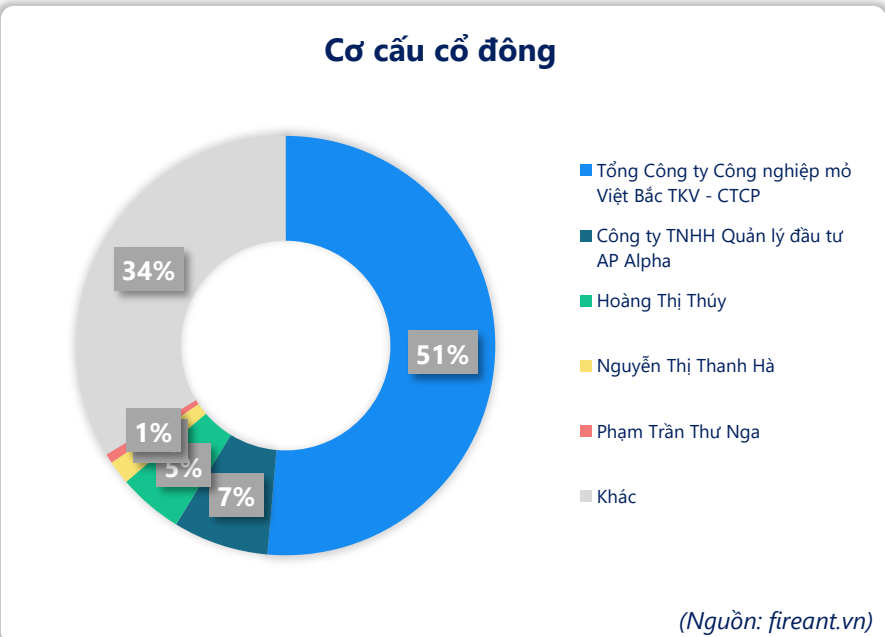
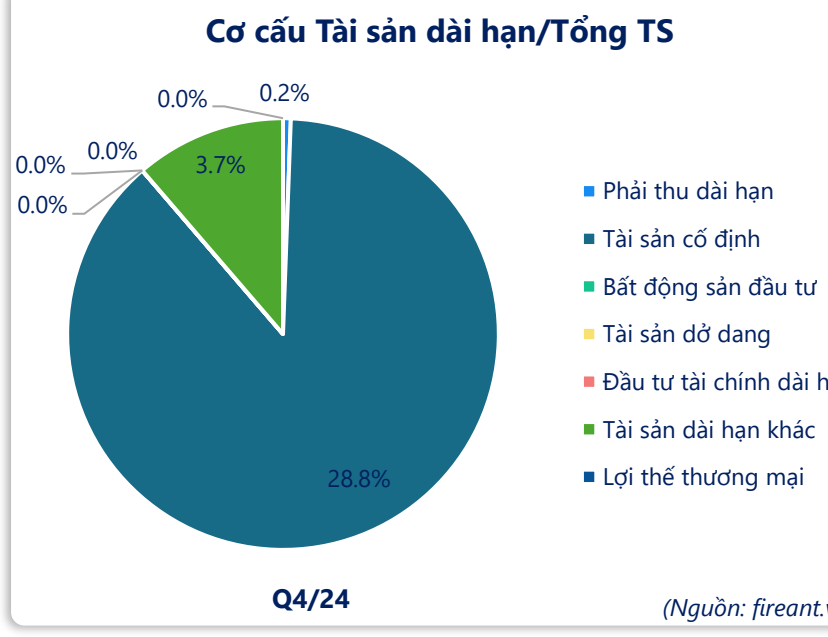
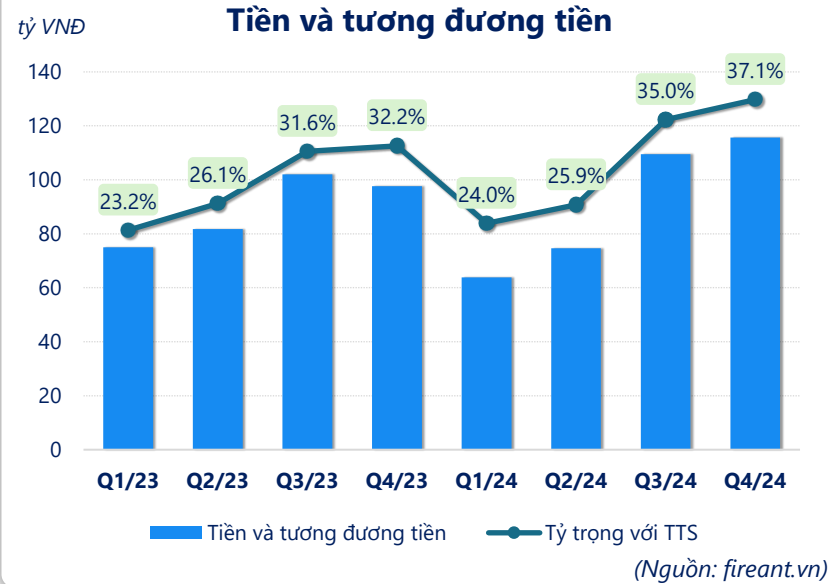
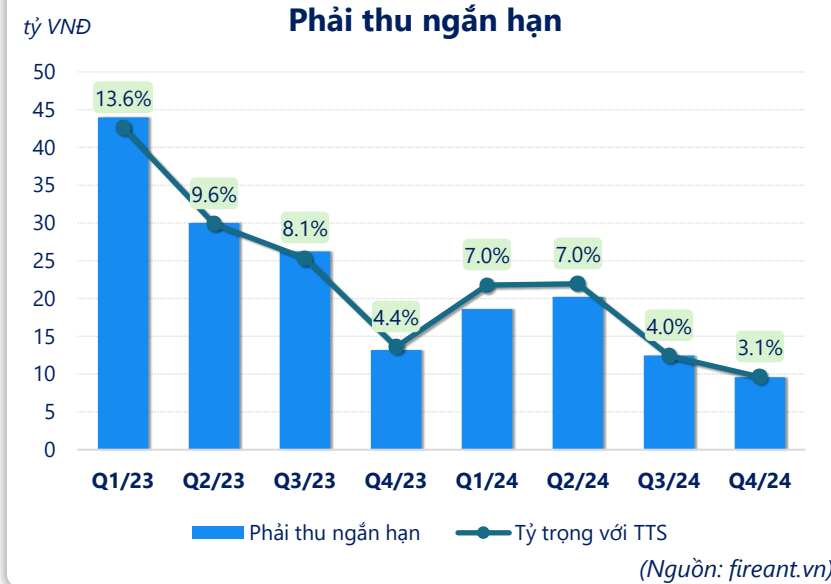
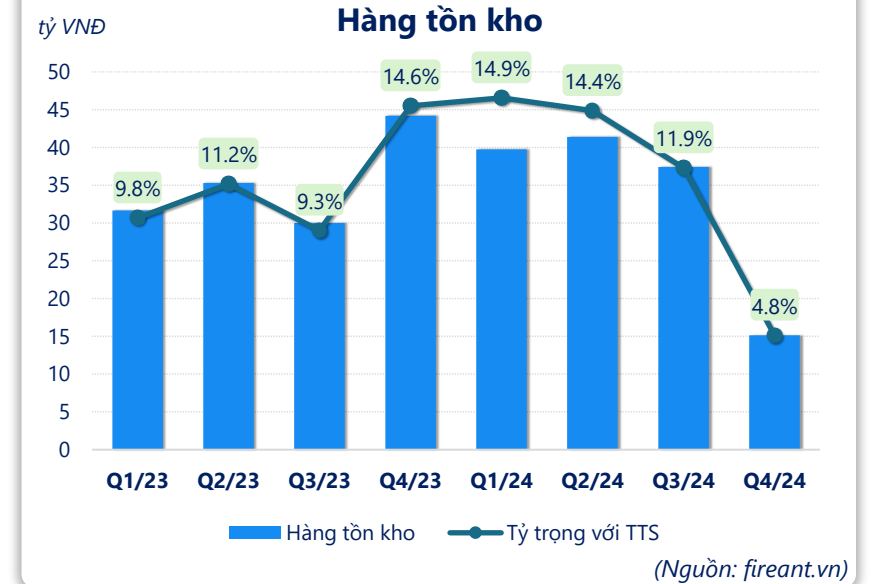
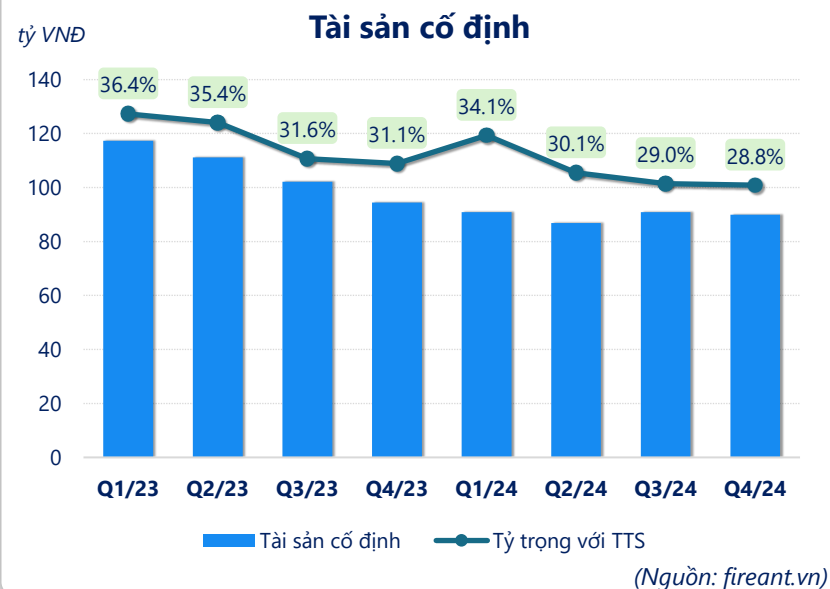
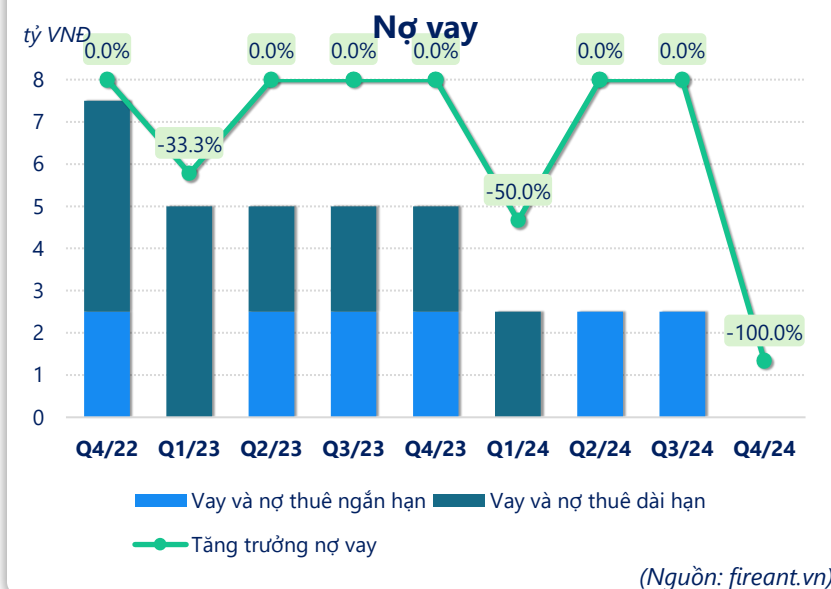
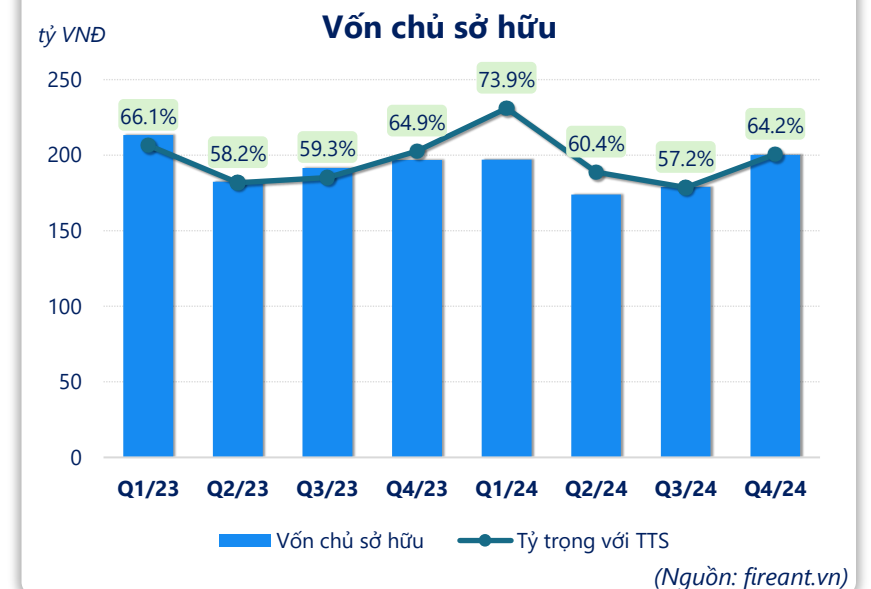
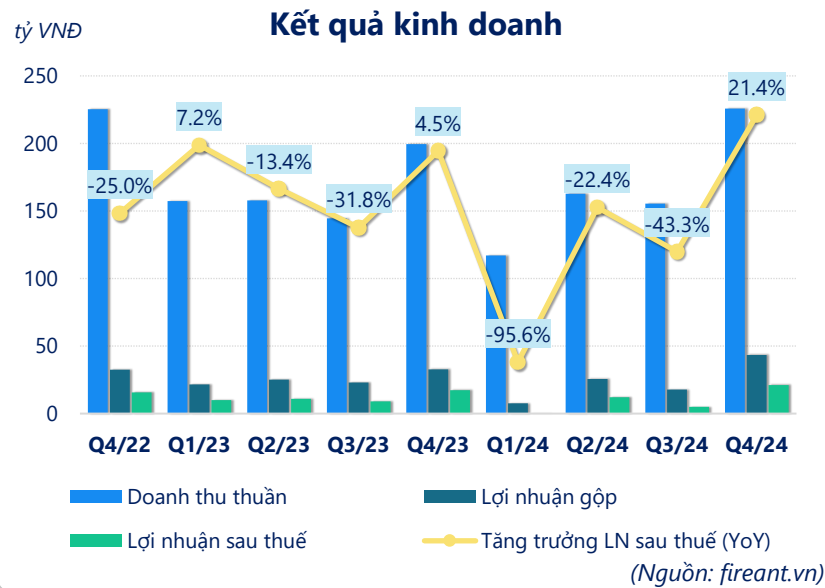
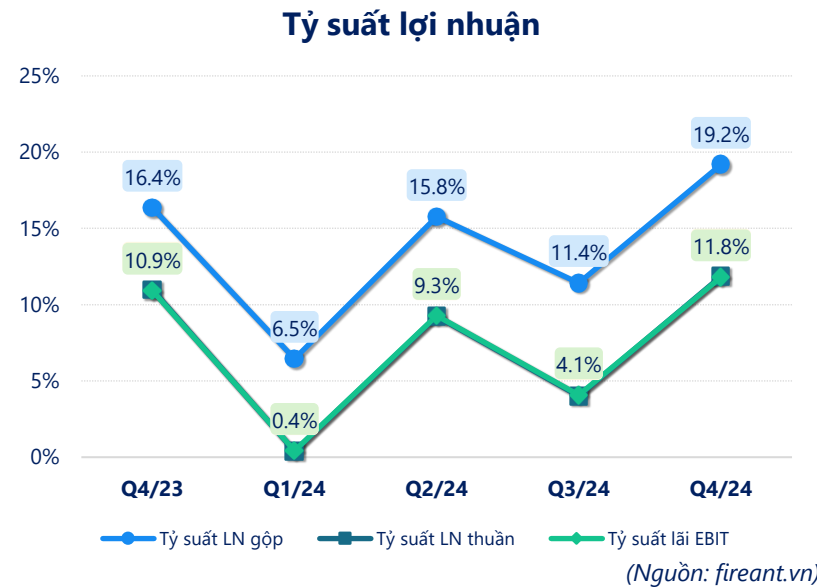
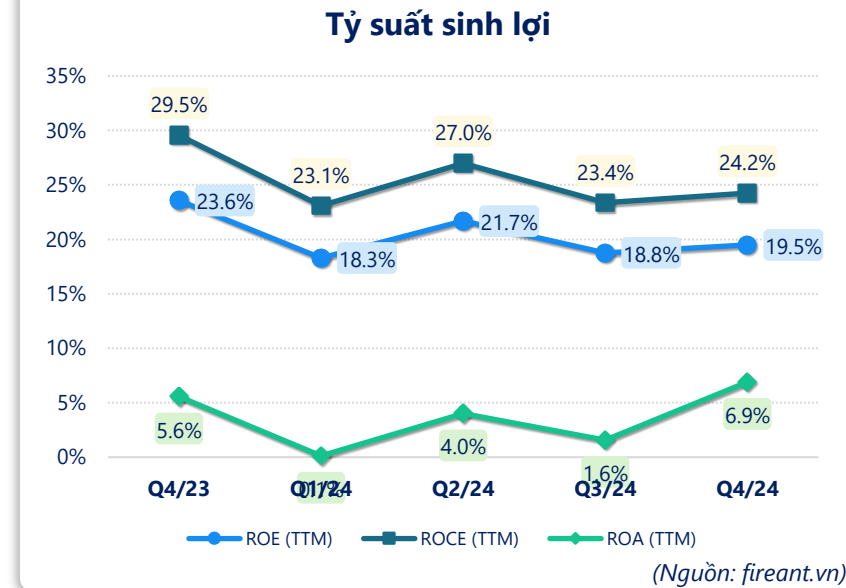
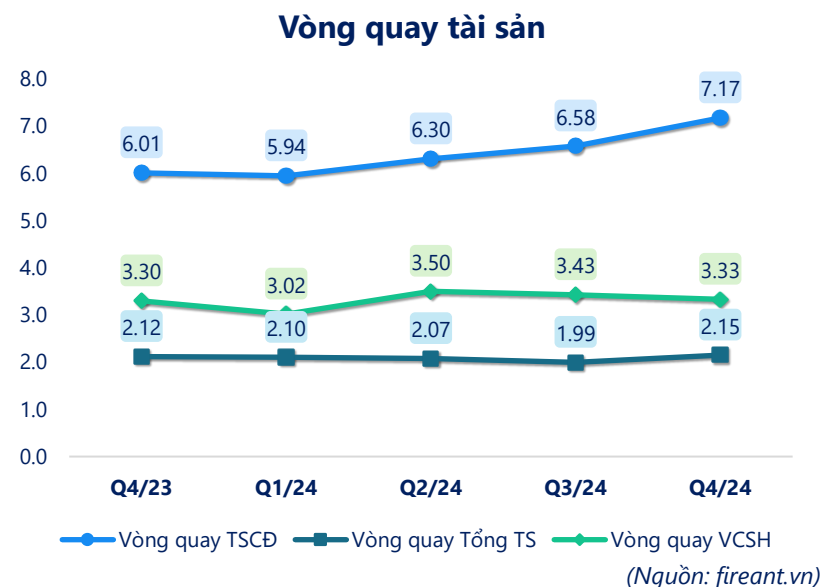
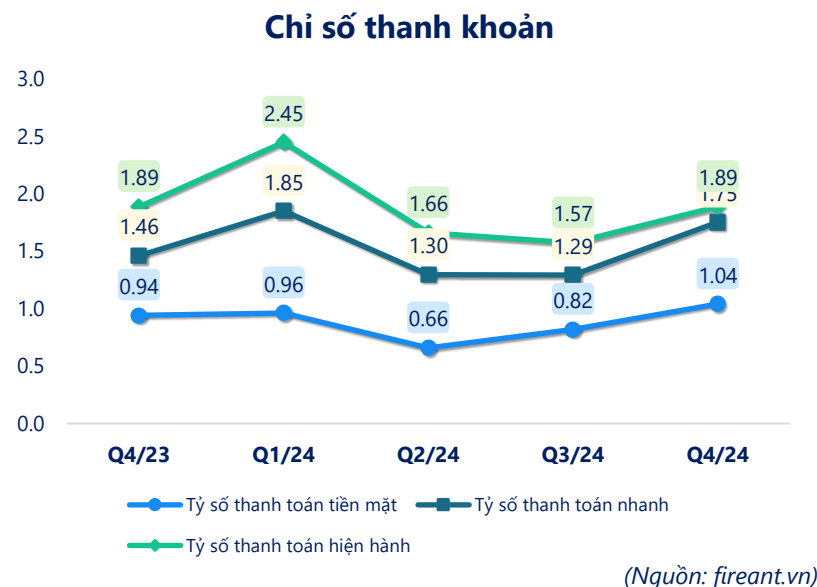
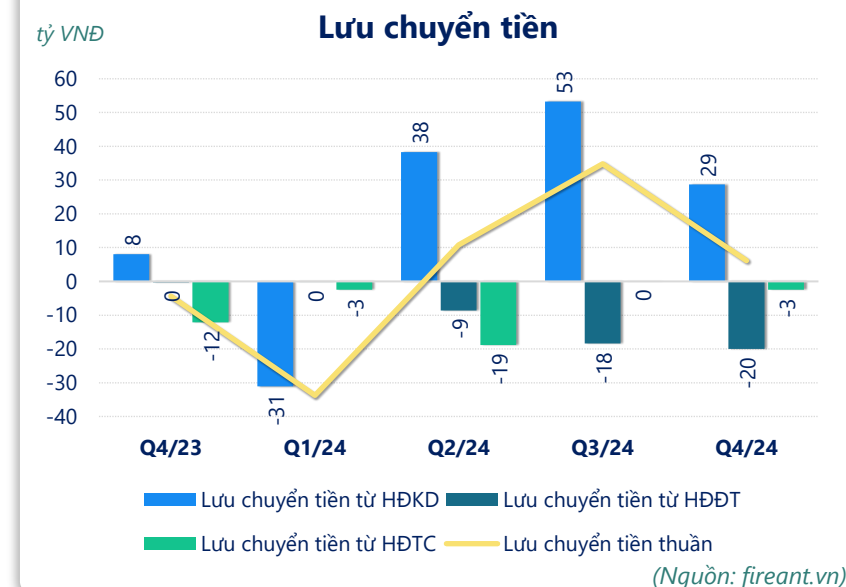


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		21,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,084
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,400
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,495
% sở hữu nước ngoài		5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		260
P/E		6.7
EPS		3,223

	YTD	1T	3T	6T
CLH		-0.5%	-4.4%	-5.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	312	303	2.9%
Tài sản ngắn hạn	210	195	7.5%
Tiền và tương đương tiền	116	97.6	18.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.5	40.0	73.8%
Phải thu ngắn hạn	9.61	13.2	-27.3%
Hàng tồn kho	15.1	44.2	-65.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.38	-79.6%
Tài sản dài hạn	102	108	-5.4%
Phải thu dài hạn	0.59	0.56	6.8%
Tài sản cố định	90.0	94.4	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.46	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.5	12.5	-7.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	107	4.9%
Nợ ngắn hạn	111	104	7.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.50	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	42.6	32.8	29.7%
Nợ dài hạn	0.59	3.06	-80.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	2.50	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	200	197	1.8%
Vốn chủ sở hữu	200	197	1.8%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	199	117	163	155	226
Giá vốn hàng bán	167	109	137	138	183
Lợi nhuận gộp	32.6	7.55	25.7	17.8	43.3
Doanh thu HĐTC	2.19	0.34	1.43	0.26	2.69
Chi phí TC	0.06	0.04	0.04	0.04	0.04
Chi phí lãi vay	0.03	0.03	0.02	0.02	0.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.96	1.32	2.65	2.73	5.60
Chi phí QLDN	8.89	6.07	9.34	9.02	13.6
LN thuần từ HĐKD	21.9	0.47	15.1	6.23	26.8
Lợi nhuận khác	-0.17	0.00	0.03	0.08	-0.15
LN trước thuế	21.8	0.47	15.1	6.31	26.6
Lợi nhuận sau thuế	17.3	0.36	12.1	5.04	21.2
LNST của CĐ cty mẹ	17.3	0.36	12.1	5.04	21.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.05	-31.1	38.3	53.2	28.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.30	-0.16	-8.58	-18.4	-20.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.1	-2.50	-18.9	0.00	-2.50
Tiền đầu kỳ	102	97.6	63.9	74.7	110
Lưu chuyển tiền thuần	-4.38	-33.7	10.8	34.8	6.20
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	97.6	63.9	74.7	110	116

(Nguồn: fireant.vn)